

Số: /QĐ-CVMT

Đà Nẵng, ngày tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026, nguồn phí, lệ phí và chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể.

GIÁM ĐỐC CẢNG VỤ HÀNG KHÔNG MIỀN TRUNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TTBTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2416/QĐ-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2025 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026, nguồn phí, lệ phí và chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026, nguồn phí, lệ phí và chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể (theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính, Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính và các đơn vị liên quan trực thuộc Cảng vụ hàng không miền Trung chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Cục HKVN (để b/c);
- Giám đốc (để biết);
- Các Phó Giám đốc (để biết);
- Như Điều 3 (để t/h);
- Phòng TCHC đăng website;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Võ Trường Giang

Đơn vị: Cảng vụ Hàng không miền Trung
Chương: 019
Mã QHNS: 1095632
Kho bạc: 0161

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ- CVMT ngày / /2026 của Cảng vụ Hàng không miền Trung)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: 1000 đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	103.298.000
	Phí	81.360.000
	Phí cảng vụ hàng không	81.360.000
	Lệ phí	21.938.000
	Lệ phí ra vào cảng hàng không sân bay	21.938.000
2	Số nộp ngân sách từ phí, lệ phí	103.298.000
	Phí	81.360.000
	Phí cảng vụ hàng không	81.360.000
	Lệ phí	21.938.000
	Lệ phí ra vào cảng hàng không sân bay	21.938.000
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	42.990.356
1	Chi quản lý hành chính	42.990.356
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	42.990.356
	Chi hoạt động thường xuyên 12 tháng năm 2026 của đơn vị (bao gồm tiền lương, các khoản đóng góp theo lương và các khoản chi hoạt động khác theo quy định...)	26.079.813
	Chi tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	1.241.543
	Chi bảo lưu thu nhập	7.359.000
	Chi thưởng ATHK	1.898.000
	Bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn	972.000
	Chi cho công tác xử lý vi phạm hành chính	147.000
	Chi phí phục vụ công tác giám sát an toàn, giám sát chất lượng dịch vụ, quản lý cảng tại các cảng hàng không, sân bay.	877.000
	Chi phí phục vụ hoạt động xe chuyên dùng, trang thiết bị chuyên dùng	1.784.000

	Chi mua sắm trang bị tài sản, CCDC	626,000
	Chi mua sắm thiết bị chuyên dùng; mua sắm trang bị tài sản	1.509.000
	Thuê, mua, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin phục vụ công tác giám sát an toàn, an ninh mạng, truyền hình trực tuyến liên ngành.	507.000
	Kinh phí hỗ trợ công tác thu phí, lệ phí	616.000
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>	
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>	
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	

10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi Chương trình mục tiêu	
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)</i>	
2	Chi Chương trình mục tiêu	
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)</i>	